TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/DS-PT
Ngày 28-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST, ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1973;

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số 795, Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà V có mặt, Ông S có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm, tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Bà Th với bà V là hàng xóm của nhau. Năm 2017, bà V vay tiền của bà Th để làm vườn bưởi với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng cụ thể như sau:

Ngày 22/4/2017, vay 20.000.000 đồng; ngày 25/4/2017, vay 15.000.000 đồng; ngày 17/5/2017, vay 10.000.000 đồng; ngày 18/5/2017, vay thêm 15.000.000 đồng. Từ ngày 24/6/2017 đến 26/6/2017, bà V vay thêm 35.000.000 đồng với lý do để ông Nguyễn Văn S (chồng bà V) mua giống bưởi, ông Nguyễn Văn Mướp (con bà V) sửa xe. Ngày 05/7/2018, vay thêm 30.000.000 đồng và hứa 01 tháng sẽ trả. Đến ngày 02/8/2017, vay thêm 20.000.000 đồng và hứa 5 ngày sau sẽ trả. Ngày 11/10/2017, vay 30.000.000 đồng; ngày 25/10/2017, vay 20.000.000 đồng; ngày 02/11/2017, vay 20.000.000 đồng để cho ông Mướp con bà V đáo hạn ngân hàng, lần này bà V nói 5 ngày sau sẽ trả. Ngày 26/11/2017, bà V vay 60.000.000 đồng, đồng thời chủ động đưa bà Th giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S để làm tin và cam kết 01 tháng sẽ trả.

Tổng số tiền bà V đã vay của bà Th là 275.000.000 đồng. Bà V vay tiền để dùng vào việc chi tiêu chung của gia đình, ông S biết việc vay tiền của bà V. Bà Th khởi kiện yêu cầu bà V và ông S phải thanh toán tổng cộng 318.658.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 275.000.000 đồng và tiền lãi là 43.658.000 đồng. Đối với GCNQSDĐ cấp cho hộ ông S mà bà Th đã nhận cầm cố thì bà Th đồng ý trả lại cho ông S và bà V.

Ngày 17/10/2018, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản cho vay 20.000.000 đồng ngày 02/8/2017 và 20.000.000 đồng ngày 02/11/2017.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Bà V có vay tiền của bà Th nhiều lần, vay từ năm 2016, lần đầu tiên bà V vay khoảng 15.000.000 đồng, sau đó trả hết rồi vay lại nhiều lần. Do là hàng xóm và tin tưởng nhau nên việc vay tiền không làm giấy tờ và khi trả tiền bà V cũng không làm giấy tờ. Tiền lãi bà V phải thanh toán cho bà Th là cứ 10.000.000 đồng tiền vay thì mỗi tháng bà V phải trả 1.500.000 đồng tiền lãi. Đối với các giấy mượn tiền mà bà Th cung cấp cho Tòa án thì bà V có ý kiến như sau: Các giấy mượn tiền sau do bà V viết, bà V có mượn tiền và ký tên cụ thể gồm: Giấy mượn tiền ngày 05/7/2017, số tiền 30.000.000 đồng; Giấy mượn tiền đề ngày 18/5/2017 khoản tiền 15.000.000 đồng; Giấy nợ ghi ngày 11/10/2017 khoản nợ 30.000.000 đồng và ngày 25/10/2017, khoản nợ 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản nợ này bà V đã trả cho bà Th. Việc trả tiền không làm giấy tờ. Đối với Giấy mượn tiền ngày 26/11/2017, khoản tiền 60.000.000 đồng thì bà V không viết nhưng bà V có vay khoản tiền này và đến bây giờ vẫn chưa trả. Các khoản tiền vay còn lại theo các giấy vay tiền mà bà Th khởi kiện thì bà V xác định bà không có vay.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Việc vay tiền giữa bà V với bà Th thì ông S không biết, bà V vay tiền để sử dụng riêng, không liên quan đến gia đình. Ông S đề nghị bà Th trả lại cho ông S GCNQSDĐ đất đứng tên ông S.

Ngày 08/11/2018, Tòa án nhận được Đơn yêu cầu độc lập ngày 26/10/2018 của ông S về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả lại GCNQSDĐ số

00051QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 của UBND huyện Tân Uyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoảng vay 75.000.000 đồng ngày 24/6/2017, 26/6/2017, 02/8/2017 và 2/11/2017, yêu cầu bà V và ông S liên đới trả nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi là 19.920.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST, ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã xét xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn S đối với khoản tiền cho vay 75.000.000 đồng vào các ngày 24/6/2017, 26/6/2017, 02/8/2017 và 2/11/2017.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn S đối với khoản cho vay 200.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh Th 219.920.000 đồng gồm 200.000.000 đồng nợ gốc và 19.920.000 đồng nợ lãi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00051QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 của UBND huyện Tân Uyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/01/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được xét xử lại phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng V kháng cáo chỉ đồng ý trả nợ gốc cho nguyên đơn 200.000.000 đồng và xin được trả mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn xin không trả lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được, Tòa án cấp sơ thẩm xử bà V, ông Sáng liên đới trả nợ cho bà Th 219.920.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Th khởi kiện bà V và ông S yêu cầu bà V, ông S trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 19.920.000 đồng theo các giấy mượn tiền ngày 22/4/2017 là 20.000.000 đồng, ngày 25/4/2017 là 15.000.000 đồng với thời hạn là 02 tháng, ngày 17/5/2017 là 10.000.000 đồng với thời hạn là 02 tháng, ngày 18/5/2017 là 15.000.000 đồng với thời hạn là 01 tháng, ngày 05/7/2017 là 30.000.000 đồng với thời hạn là 01 tháng, ngày 11/10/2017 là 30.000.000 đồng với thời hạn 1 tháng; ngày 25/10/2017 là 20.000.000 đồng với thời hạn 01 tháng, ngày 26/11/2017 là 60.000.000 đồng với thời hạn hạn 1 tháng. Về phần bà V, qua đối chất ngày 09/4/2019, bà V thừa nhận các giấy mượn tiền ngày 18/5/2017, 11/10/2017, 25/10/2017 là do bà viết và ký tên có mượn tiền của bà Th. Riêng đối với các giấy mượn tiền ngày 22/4/2017, 25/4/2017, 17/5/2017, 05/7/2017, 26/11/2017 không phải là chữ ký, chữ viết của bà V. Bà V có yêu cầu giám định và tại Kết luận giám định số 133/GĐ-PC09 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Hồng V trên 03 giấy mượn tiền đề các ngày 22/4, ngày 05/7, ngày 26/11 cùng năm 2017 (ký hiệu từ A1 đến A3) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hồng V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M8) do cùng một người ký và viết ra.

[2] Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà V thừa nhận có nợ bà Th 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, xin được trả mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, xin không trả tiền lãi nhưng không được bà Th chấp nhận. Bà V còn cho rằng bà đã trả nhiều tiền lãi cho bà Th nhưng không chứng cứ chứng minh.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xử bà V và ông S liên đới trả nợ cho bà Th 219.920.000 đồng, trong đó 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 19.920.000 đồng tiền lãi do chậm trả và bà Th trả lại cho bà V, ông Sáng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 22/9/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn S là có căn cứ cứ đúng pháp luật các điều: 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà V là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật. Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí giám định bà V phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 148, 161, khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V. Giữ nguyên Bản án số 01/2019/DS-ST, ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Th đối với bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn S về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với khoản tiền cho vay 75.000.000 đồng vào các ngày 24/6/2017, 26/6/2017, 02/8/2017 và ngày 02/11/2017.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Th đối với bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh Th 219.920.000 đồng , trong đó số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 19.920.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh Th giao trả lại cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00051/QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 do UBND huyện Tân Uyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S (bản chính).

2. Về án phí, chi phí giám định:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng V nộp 10.996.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Th 7.716.450 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030275 ngày 07/9/2018.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030454 ngày 20/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 3.570.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/6/2019)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- TAND huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung